

LÝ THUYẾT - SÁCH GIÁO KHOA MÔN TOÁN LỚP 6

BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Phần SỐ VÀ ĐẠI SỐ

CHƯƠNG 1. SỐ TỰ NHIÊN

Bài 2. Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên

1. Tập hợp \mathbb{N} và \mathbb{N}^*

Các số 0; 1; 2; 3; ... là các số tự nhiên. Người ta kí hiệu tập hợp các số tự nhiên là \mathbb{N}

$$\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; \dots\}.$$

Tập hợp các số tự nhiên khác 0 được kí hiệu là \mathbb{N}^*

$$\mathbb{N}^* = \{1; 2; 3; 4; 5; \dots\}$$

2. Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên

Các số tự nhiên được biểu diễn trên tia số bởi các điểm cách đều nhau.

Mỗi số tự nhiên được biểu diễn bằng một điểm trên tia số; điểm biểu diễn số tự nhiên n gọi là điểm n

Nếu số a nhỏ hơn số b ta viết $a < b$ (a nhỏ hơn b). Ta cũng nói số b lớn hơn số a và viết $b > a$.

Khi biểu diễn trên tia số nằm ngang có chiều mũi tên đi trái sang phải, nếu $a < b$ thì điểm a nằm bên trái điểm b .

Ta viết $a \leq b$ để chỉ $a < b$ hoặc $a = b$, $b \geq a$ để chỉ $b > a$ hoặc $a = b$.

Mỗi số tự nhiên có một số liền sau cách nó một đơn vị.

* Tính chất bắc cầu : Nếu $a < b$ và $b < c$ thì $a < c$

3. Ghi số tự nhiên

a) Hệ thập phân

Ta đã biết cấu tạo thập phân của một số:

- Kí hiệu \overline{ab} chỉ số tự nhiên có hai chữ số, chữ số hàng chục là a ($a \neq 0$), chữ số hàng đơn vị là b . Ta có:

$$\overline{ab} = a \times 10 + b.$$

Kí hiệu \overline{abc} chỉ số tự nhiên có ba chữ số, chữ số hàng trăm là a ($a \neq 0$), chữ số hàng chục là b , chữ số hàng đơn vị là c . Ta có:

$$\overline{abc} = a \times 100 + b \times 10 + c.$$

- Với các số cụ thể thì không viết dấu gạch ngang ở trên.

b) Hệ La Mã

Cách ghi số La Mã như sau:

Chữ số	I	V	X
Giá trị tương ứng trong hệ thập phân	1	5	10

Bảng chuyển đổi số La Mã sang số trong hệ thập phân tương ứng (từ 1 đến 10)

Số La Mã	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
Giá trị tương ứng trong hệ thập phân	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10